

## ĐÔI NÉT VỀ TƯƠNG QUAN SINH THÁI- NHÂN VĂN VÀ BIẾN ĐỔI MÔI TRƯỜNG TẠI ĐIỆN BIÊN- LAI CHÂU

**TẠ LONG**

Bài này, chúng tôi muốn đề cập tới một vài nhân tố sinh thái- xã hội chi phối sự lựa chọn giải pháp khai thác môi trường của người bản địa Thái, Khơ mú và Hmông cũng như người Kinh tái định cư ở ba xã Thanh Lương, Mường Phăng (huyện Điện Biên) và Na Son (huyện Điện Biên Đông) hơn 30 năm qua. Hy vọng ở đây sẽ góp một vài tư liệu nhỏ trong tham chiếu các nhân tố ảnh hưởng tới canh tác nương rẫy, vỡ hoang rừng núi cũng như phủ xanh lại đất trống, đồi núi trọc.

### *Tương quan dân số - sinh thái*

**Bảng 1: Dân số và dân số tộc người năm 1995 so với năm 1965**

*Đơn vị: %*

Tên địa phương (Huyện)	Tổng số	Thái	Kinh	Khơ Mú	Hmông
Điện Biên	332	289	327	205	348
Thanh Lương	243	188	513	31	-
Mường Phăng	340	409	28	682	419
Na Son	414	414	-	-	-

*Nguồn: Phòng thống kê huyện Điện Biên*

Bảng trên cho thấy hơn 30 năm qua gia tăng dân số trong toàn huyện Điện Biên tới 332%. Sự tái định cư của người Kinh đã làm tăng cơ học ở địa phương nhanh lên nhiều. Tuy vậy tốc độ tăng dân số tại các xã không có người Kinh (Na Son) hoặc dân số Kinh không đáng kể (xã Mường Phăng), tốc độ tăng dân số lại cao hơn tại các xã có đồng người Kinh tái định cư (xã Thanh Lương).

Vì vậy, để hiểu áp lực nhân khẩu lên hệ sinh thái cần tìm hiểu tương quan nhân khẩu- đất đai và sản lượng lương thực theo đầu người thu được từ vụ mùa theo truyền thống canh tác lâu đời của địa phương.

**Bảng 2: Chỉ số biến đổi diện tích canh tác và sản lượng thóc trong vụ mùa theo đầu người năm 1995 so với năm 1965**

*Đơn vị: %*

Loại chỉ số	Thanh Lương	Mường Phăng	Na Son
Diện tích canh tác BQ 1 người	38	22	29
Sản lượng lương thực BQ 1 người	82	38	38

*Nguồn: Như trên*

Các chỉ số cho thấy tại các xã Na Sơn và Mường Phăng tuy ít bị sức ép dân số của người Kinh ngay tại địa phương, nhưng sức ép nhân khẩu lên đất canh tác còn lớn hơn và tăng nhanh hơn tại xã Thanh Luông.

**Sự lựa chọn giải pháp khai thác môi trường**

Sự lựa chọn này có thể làm thâm canh, tăng vụ trên ruộng, cũng có thể là quảng canh trên đất dốc. Định hướng khai thác môi trường không chỉ phản ánh sở trường, tập quán trong sản xuất nông nghiệp, mà phụ thuộc vào cả điều kiện lựa chọn. Bảng 3 dưới đây sẽ giới thiệu định hướng khai thác môi trường của cư dân ở ba xã được khảo sát.

**Bảng 3: Cơ cấu diện tích cây trồng chính hàng năm**

Đơn vị: %

Tên xã	Năm	Lúa chiêm xuân	Lúa mùa	Lúa nương	Sắn
Thanh Luông	1965	9,98	81,6	1,37	7,05
	1995	35,1	55,3	3,66	5,86
Mường Phăng	1965	5,38	90,1	2,69	1,89
	1995	4,47	21,8	67,2	6,55
Na Sơn	1965	1,16	72,1	23,3	3,49
	1995	0,47	11,9	78,5	8,74

Nguồn: Như trên

Năm 1965, trong cơ cấu diện tích cây trồng hàng năm cây lúa mùa chiếm hầu hết diện tích. Điều này do tập quán canh tác một vụ chính lâu đời của miền núi quy định. Tỷ trọng lúa nương và sắn bấy giờ còn rất nhỏ bé, không chỉ ở xã thuần Thái như Na Sơn, mà cả ở xã có cư dân làm nương rẫy như Hmông và Khơ mú như Mường Phăng và Thanh Luông.

Tới năm 1995, khi canh tác trên đất dốc gia tăng, sự mở rộng này chủ yếu để trồng lúa nương, tỷ trọng diện tích trồng sắn không đáng kể so tỷ trọng diện tích lúa nương.

Kết hợp cơ cấu diện tích canh tác hai thời điểm cách xa nhau hơn 30 năm có thể thấy: *khai thác môi trường để trồng lúa là định hướng quy định tương quan sinh thái- nhân văn ở các xã được khảo sát nói riêng và của cư dân nông nghiệp tự cấp tự túc nói chung.*

Vậy vì sao cư dân Na Sơn và Mường Phăng không mở rộng diện tích ruộng trong vụ chiêm - xuân, vụ mùa như người Thanh Luông và như tập quán họ đã làm trong thập niên 60, mà phải *ăn nương*?

Sự mở rộng diện tích canh tác và tăng vụ trên ruộng trước hết phụ thuộc vào khả năng phát triển thủy lợi để có thể chủ động tưới tiêu trong mùa khô (vụ đông xuân) và vào diện tích canh tác bình quân đầu người. Số liệu tại các xã vào hai thời điểm 1965 - 1995 sẽ giúp hình dung tác động của tương quan nhân khẩu - đất canh tác tới sự phát triển của nương rẫy ở mỗi địa phương.

**Bảng 4: Diện tích ruộng nước theo đầu người**Đơn vị:  $m^2$ / người

Năm	Thanh Lương	Mường Phăng	Na Son
1965	2024	1724	886
1995	770	377	260

Nguồn: Như trên

Liên hệ số liệu trên bảng 4 với số liệu trong bảng 3 có thể thấy: trong thập kỷ 60 nhờ bình quân ruộng cao nên tỷ trọng diện tích ruộng rẫy ở Mường Phăng không hơn ở Thanh Lương là mấy. Nhưng tới năm 1995, sự chênh lệch này rõ rệt ,lại không mở rộng được diện tích trong vụ chiêm xuân , đã khiến tỷ trọng diện tích ruộng rẫy Mường Phăng tăng vọt. Ở Na Son tình trạng còn tồi tệ hơn.

Sự đầu tư cho thủy lợi ở các xã này hoàn toàn khác nhau :

Thanh Lương thuộc lòng chảo được hưởng hệ thống thủy lợi chủ động tưới tiêu trong mùa khô cho diện tích dưới kênh Tả của hệ thống thủy nông Nậm Rốm từ năm 1958. Sau khi hồ chứa Pa Khoang hoàn thành (1980), gần 40% diện tích ruộng của Thanh Lương cấy được trong vụ chiêm xuân (Nguồn: UBND xã Thanh Lương, 1998). Tới vụ chiêm xuân 1998, hồ chứa nước Pe Luông thuộc đầu nguồn suối Nậm Pe của xã này được đưa vào sử dụng, toàn bộ diện tích ruộng của Thanh Lương có thể canh tác trong vụ đông.

Tại xã Mường Phăng hệ thống tưới tiêu chủ yếu là thủy lợi nhỏ, vì địa hình ở đây bị chia cắt, ruộng manh mún, không rộng lớn như ở lòng chảo . Tại xã Na Son thủy lợi trong mùa khô không thể thực hiện được vì ở đây chưa có hồ đập, mà mới chỉ là hệ thống mương phai cổ truyền.

Cho tới năm 1998 tại huyện Điện Biên đã có 3 hồ chứa, 20 đập xây và 93Km mương tưới thuộc hệ thống thủy lợi lớn do Công ty thủy nông huyện quản lý. Hệ thống này mới đủ sức tưới cho 54% diện tích thuộc lòng chảo. Ngoài ra, tại các xã còn lại phải sử dụng hệ thống thủy lợi nhỏ để tưới cho ruộng cao hơn các kênh tưới của hệ thống thủy nông Nậm Rốm hoặc ruộng ở vùng ngoài lòng chảo. Hệ thống này chỉ gồm 2 hồ chứa với dung tích 40.000m<sup>3</sup>, 20 đập xây và 14 phai cổ truyền, đủ tưới cho 2983 ha ruộng, khoảng 16% diện tích trồng cây hàng năm (Nguồn: Phòng nông nghiệp huyện Điện Biên).

Như vậy, sự hạn chế về thủy lợi cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến canh tác ruộng rẫy.

### Sự suy thoái của rừng tại Thanh Lương

Mặc dù ruộng rẫy tại Thanh Lương không phát triển, nhưng rừng ở đây vẫn bị giảm sút nghiêm trọng: trước đây rừng tự nhiên ở xã này chiếm khoảng 70% diện tích, nhưng tới năm 1998, diện tích còn sót lại được khoanh nuôi chỉ chiếm 30% (Nguồn: UBND xã Thanh Lương).

Theo những cụ già Kinh lên đây tái định cư từ năm 1965, lúc đó không những núi, mà cả lòng chảo còn đang rậm rạp. Các cụ già người Thái và người Kinh đều nhớ rõ trong những năm 60, rừng còn sát bản.

Nhưng tới năm 80 người Thanh Luông đã phải lên tận Mường Pôn để lấy gỗ và tre về làm nhà.

Vậy vì sao rừng tại đây bị phá?

Rừng Thanh Luông bị phá trụi bởi khai thác gỗ, củi của nhiều người, bởi các cơ quan và đơn vị bộ đội đóng ở lòng chảo và bởi các tư nhân.

Rừng được khai thác với quan niệm quen thuộc của người Kinh "Tiên rừng, bạc bể, rừng là vô tận, là của toàn dân."

**Phủ xanh đồi núi trọc tại Thanh Luông**

Trong Chương trình 327 xã Thanh Luông đã thu hút được 56 hộ nhận đất trồng rừng và khoanh nuôi, bảo vệ rừng. trong số này chỉ có 4 hộ người Kinh.

Nguyên nhân của sự hờ hững này là tiền công được trả quá thấp (50.000đ/ha/năm), hợp đồng được giao lại quá ngắn (chỉ 2 năm). Thêm nữa, rừng được giao cho các bản gần rừng, trong khi người Kinh lại chủ yếu sống dưới lòng chảo xa rừng. Cho tới năm 1998, người Kinh tại xã Thanh Luông chiếm gần 60% dân số xã, là nguồn nhân lực đáng kể trong mọi công việc và hoạt động của địa phương.

Do những hạn chế trong các chế độ giao đất và thanh toán trong trồng rừng và bảo vệ rừng nói trên, cho tới năm 1998 Thanh Luông mới trồng được 170 ha bằng 7% diện tích cần được trồng lại trên địa phận xã (Nguồn: UBND xã Thanh Luông).

Đây cũng là một vấn đề nan giải trong quản lý đất hoang hoá hiện nay không phải chỉ ở Thanh Luông.

**Kết luận :**

Phát triển nương rẫy bắt nguồn từ điều kiện nông nghiệp tự cấp tự túc lương thực nhưng thiếu ruộng và thủy lợi kém phát triển trong mùa khô ở miền núi.

Rừng bị phá trụi không chỉ bởi nương rẫy, mà còn bởi, thậm chí chủ yếu bởi khai thác lâm nghiệp thiếu định hướng đúng.

TT	Giới dân nhân công việc		Các công việc
	Giới nam	Giới nữ	
1	Làm đất		
2	Trồng cây		